TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2022/DS-ST
Ngày 05-8-2022
V/v "Đòi lại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Nghĩa và bà Phan Thị Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Phụng Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 86/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2022 về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2022/QĐXX-ST ngày 14 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Thanh S, sinh năm 1964; Địa chỉ: đường H, Phường M, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Trọng Th, sinh năm 1957; Địa chỉ: đường N, Phường S, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S trình bày: Bà yêu cầu bị đơn ông Trần Trọng Th trả khoản nợ vay gốc theo Giấy nhận nợ vay tiền ngày 19/01/2013 số tiền 15.000.000 đồng. Về tiền lãi: bà S yêu cầu nếu được tính lãi thì tính theo quy định pháp luật, nếu không được tính lãi thì không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Trần Trọng Th trình bày: Vào năm 2013, bị đơn có vay của nguyên đơn một khoản vay duy nhất với số tiền 15.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận là 7%/tháng. Trong quá trình vay, bị đơn đã trả hết gốc, lãi cho nguyên đơn

nhưng hiện nay không có giữ các tài liệu chứng minh về việc trả tiền theo thoả thuận để cung cấp cho Toà án nên bị đơn không thừa nhận nợ. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả khoản nợ vay gốc theo Giấy nhận nợ vay tiền ngày 19/01/2013 số tiền 15.000.000 đồng, thì bị đơn không chấp nhận trả gốc và lãi cho bà Sương. Giấy nhận nợ này đã lâu, bị đơn yêu cầu Toà án áp dụng thời hiệu khởi kiện.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S, bị đơn ông Trần Trọng Th đều có đơn xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 256 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 15.000.000 đồng tiền gốc. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn ông Trần Trọng Th được miễn nộp tiền án phí. Nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S không phải chịu án phí dân sự nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Trần Trọng Th cư trú tại đường N, Phường S, thành phố T, tỉnh Phú Yên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền còn nợ theo Giấy nhận nợ vay tiền ngày 19/01/2013 số tiền 15.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 7%/tháng, "nếu liên tục 03 ngày không trả tiền cho bà S thì bà S thu hết tiền nợ đã vay trên và không cho vay lại tiền sẽ không thối tiền cho vay lại". Do đó, thời điểm quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bị xâm phạm là thời điểm bị đơn vi phạm nghĩa vụ của bên vay là ngày 23/01/2013 nên cần áp dụng thời hiệu khởi kiện để giải quyết vụ án là 03 năm kể từ ngày 23/01/2013. Ngày 26/4/2022, nguyên đơn mới nộp đơn khởi kiện nên thời hiệu khởi kiện về Hợp đồng đã hết. Tại đơn trình bày ý kiến ngày 22/6/2022, bị đơn đề

nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là "Đòi lại tài sản" được quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Điều 256 Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[1.3] Về giải quyết vắng mặt của đương sự: Tòa án nhân dân thành phố T đã tiến hành triệu tập hợp lệ nguyên đơn để hòa giải nhưng có đơn xin giải quyết vắng mặt; Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về yêu cầu trả nợ gốc của nguyên đơn: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ tiền vay gốc 15.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ vay tiền ngày 19/01/2013. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày đã trả hết gốc, lãi cho nguyên đơn nhưng hiện nay không có giữ các tài liệu chứng minh về việc trả tiền theo thoả thuận nên không thừa nhận nợ. Toà án đã ra Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 42/2022/QĐ-CCTLCC ngày 22/6/2022 nhưng hết thời hạn bị đơn không cung cấp chứng cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Trần Trọng Th phải trả cho nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S tiền nợ vay theo Giấy nhận nợ vay tiền ngày 19/01/2013 là 15.000.000 đồng.

[2.2] Về lãi suất: Tại đơn khởi kiện ngày 26/4/2022, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 22/6/2022 và ngày 26/7/2022, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ số tiền gốc theo Giấy nhận nợ vay tiền, còn tiền lãi nếu pháp luật không quy định thì nguyên đơn không yêu cầu. Bị đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện, không chấp nhận trả lãi. Do đó, căn cứ Điều 159 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2004, sửa đổi bổ sung năm 2011, Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Hội đồng xét xử không xem xét đối với khoản tiền lãi.

[3] Về án phí*:* Ngày 30/6/2022, bị đơn ông Trần Trọng Th có đơn xin miễn án phí do thuộc diện người cao tuổi, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử xét miễn nộp toàn bộ án phí cho bị đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 và 238 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 159 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2004, sửa đổi bổ sung năm 2011.

Áp dụng các Điều 255, 256 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 429, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S tại đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 4 năm 2022.

Buộc bị đơn ông Trần Trọng Th phải trả cho nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S tiền nợ vay theo Giấy nhận nợ vay tiền ngày 19/01/2013 là 15.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bị đơn ông Trần Trọng Th được miễn nộp tiền án phí. Nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S không phải chịu án phí dân sự nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 375.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0005296 ngày 13 tháng 5 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh P;
- VKSND TP. T;
- Chi cục THADS TP. T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thanh Vân